

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 194/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm

2. Bà Đào Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhật Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Võ Thanh T1, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua quá trình tìm hiểu và yêu thương nhau nên chị T1 và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 16/3/2016. Sau khi kết hôn, chị T1 và anh T chung sống tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Sau đó, anh T và chị T1 về nhà chị T1 tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm, chị T1 không quan tâm, chăm lo gia đình và gây nợ nần nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh T và chị T1; bản thân anh T và chị T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thanh T1.

Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 (một) con chung tên Lê Minh N, sinh ngày 16/02/2016. Hiện nay, con chung đang sống với chị T1 tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Khi ly hôn, anh T đồng ý để chị Võ Thanh T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do anh T đang thất nghiệp, không có thu nhập.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Đơn đồng thuận ly hôn, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con chung.

Theo Tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Thanh T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua quá trình tìm hiểu và yêu thương nhau nên chị T1 và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 16/3/2016. Sau khi kết hôn, chị T1 và anh T chung sống tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Khoảng năm 2019, chị T1 và anh T về nhà chị T1 tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do anh T chỉ lo ăn chơi, không quan tâm, chăm lo vợ con và có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T1 và gia đình chị T1 có tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh T và gia đình anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm cho chị T1 và anh T nên vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 (một) con chung tên Lê Minh N, sinh ngày 16/02/2016. Hiện nay, con chung đang sống với chị T1 tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Khi ly hôn, chị T1 yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; chị T1 yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng, tính tháng 5/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Căn cứ đề nghị T1 yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng gồm: chi phí sinh hoạt của cháu N là 600.000 đồng/tháng, chi phí học tập là 1.360.000 đồng/tháng. Tổng cộng là 1.960.000 đồng/tháng.

Hiện nay, chị T1 đang làm công nhân cho lò gạch, với mức lương 300.000 đồng/ngày. Nghề nghiệp của anh T là lái xe lang thuê để chở đất cho lò gạch với mức lương 18.000.000 đồng/tháng. Trừ chi phí sinh hoạt của anh T là 4.500.000 đồng/tháng thì thu nhập của anh T còn lại là 13.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh cho lời trình bày: Không có.

Tại phiên tòa,

Anh Lê Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Chị Võ Thanh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T. Về quan hệ hôn nhân, anh Lê Văn T được ly hôn với chị Võ Thanh T1. Chị Võ Thanh T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh N, sinh ngày 16/02/2016; anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với chị Võ Thanh T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, chị Võ Thanh T1 (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, anh Lê Văn T và chị Võ Thanh T1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn T và chị Võ Thanh T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Văn T và chị Võ Thanh T1 xác định tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang ngày 13/3/2016 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị T1 đều thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc và sống ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh T và chị T1 theo quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được; chị T1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ căn cứ để xác định anh Lê Văn T và chị Võ Thanh T1 không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh T yêu cầu ly hôn chị T1 phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung:

Anh Lê Văn T và chị Võ Thanh T1 đều xác định vợ chồng có 01 con chung tên Lê Minh N, sinh ngày 16/02/2016, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con chung sinh sống với chị Võ Thanh T1 và phát triển bình thường. Khi ly hôn, anh T và chị T1 thống nhất để con chung cho chị T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ căn cứ xác định anh Lê Văn T và chị Võ Thanh T1 có 01 (một) con chung tên Lê Minh N, sinh ngày 16/02/2016, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì con chung sinh sống với chị Võ Thanh T1 và phát triển bình thường.

Xét thấy: Việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh T và chị T1 ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Quá trình sinh sống với chị T1 từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị T1 vẫn chăm sóc tốt cho con chung nên cháu Lê Minh N vẫn phát triển bình thường, đồng thời, cháu Lê Minh N có nguyện vọng được sống với chị T1. Do đó, thỏa thuận của anh T và chị T1 về việc chị T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Minh N phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Võ Thanh T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi anh T và chị T1 ly hôn nên anh Lê Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T1 yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng nhưng anh Lê Văn T không đồng ý đối với yêu cầu của chị Võ Thanh T1. Tuy nhiên, tại Biên bản ghi lời khai ngày

14/6/2024, chị Võ Thanh T1 yêu cầu anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động; đồng thời, tại Biên bản ghi lời khai ngày 14/6/2024, anh Lê Văn T đồng ý cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động theo yêu cầu của chị T1. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, anh Lê Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Võ Thanh T1.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đ a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T được ly hôn chị Võ Thanh T1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49, ngày 16/3/2016 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho anh Lê Văn T và chị Võ Thanh T1 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Võ Thanh T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh N, sinh ngày 16/02/2016. Hiện nay đang sống với chị Võ Thanh T1.

Anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Minh N, sinh ngày 16/02/2016 với số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc thuộc một trong trường các hợp khác theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Võ Thanh T1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0015388 ngày 19/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang

